

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày 24/7/2023

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đặng Xuân Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân Anh và ông Đỗ Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Trang.

Ngày 24/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị H- sinh năm 1961

Địa chỉ: thôn H Loan, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ 3, phố a, phường a, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Dương Thị H cho Chị Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 59.000.000 đ (Năm mươi chín triệu đồng) thành 03 lần giữa hai bên không có thỏa thuận về lãi:

- Ngày 19/5/2022 (âm lịch), bà H cho chị T vay số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) hẹn 05 tháng sau sẽ trả.

- Ngày 20/5/2022 (âm lịch), bà Hcho vay tiếp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hẹn khi nào chị T lấy họ thì sẽ trả nợ.

- Ngày 10/8/2022 (âm lịch), bà Hcho vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) vay bằng miệng. Hai lần đầu vay tiền chị T đều tự tay viết Giấy mượn tiền, ký, ghi rõ họ tên, lần thứ ba giữa bà H và chị T chỉ có thỏa thuận bằng miệng không viết giấy biên nhận.

Quá trình vay tiền đến nay chị T đã trả cho bà 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với số tiền 9.000.000đ vay ngày 10/8/2022 (âm lịch) do không có giấy tờ chứng minh nên bà H rút yêu cầu đối với khoản tiền này.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho bà tổng số tiền 43.500.000 đồng.

Phía bị đơn là Chị Nguyễn Thị T: Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập chị T đến tòa án để làm việc về việc vay nợ giữa chị và bà Hòa. Tuy nhiên, chị T không có mặt tại Tòa án, không có bản tự khai thể hiện quan điểm. Quá trình xác minh xác định chị T và gia đình không có mặt tại nhà nên không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho chị T. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 117, 463, 466, 470 của BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 244 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với Chị Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với số tiền 9.000.000 đồng. Buộc Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền 43.500.000 đồng cho bà Hòa, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Dương Thị Hòa và bị đơn là Chị Nguyễn Thị T. Chị T hiện đang cư trú tổ 3, phố a, phường a, TP Việt Trì. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Việt Trì.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia. Căn cứ vào Điều 227, 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn bà Hkhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T phải thanh toán cho bà tổng số tiền 43.500.000 đồng và cung cấp chứng cứ là “Giấy vay tiền ngày 19/5/2022 (Âm Lịch) và 20/5/2022 (Âm lịch)” có chữ ký ghi rõ họ tên của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần triệu tập chị T đến làm việc nhưng chị không đến làm việc. Do chị T không đến làm việc không có bản tự khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà Hoà, nên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn ngày 10/4/2023 Toà án đã ra quyết định trưng cầu giám định số 39/2023/QĐ –TCGD đối với bản gốc giấy vay tiền và các tài liệu chứng cứ mà Toà án tiến hành thu thập. Tại bản kết luận giám định số 516/KLGD-PC09 ngày 20/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ, kết luận:

“Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ viết “Nguyễn Thị T” dưới mục (Người vay tiền và tại cuối trang 2) trên “Giấy vay tiền” (tài liệu ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “T” tại các trang 1,2,3,4 và các chữ viết “Nguyễn Thị T” dưới mục (Các đương sự tham gia phiên họp) trên “Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ” (tài liệu ký hiệu M1); chữ ký dạng chữ viết “T” tại các trang 1,2,3 và các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục (Các đương sự tham gia phiên họp) trên “Biên bản Hgiải” tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2); các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục (Các đương sự tham gia phiên họp) trên “Biên bản Hgiải thành” (tài liệu ký hiệu M3); chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục (Người tự khai) trên “Bản tự khai của đương sự” (tài liệu ký hiệu M4); các chữ “Nguyễn Thị T” tại trang cuối trên “Biên bản sự việc” (tài liệu ký hiệu M5) là do cùng một người ký và viết ra.”

Căn cứ vào kết luận giám định có đủ cơ sở xác định giấy vay tiền mà bà Hoà cung cấp là do chị T viết và xác định có việc vay tiền giữa bà Hoà và chị T như số tiền đã thể hiện trong giấy vay nợ. Nên chị T phải trả cho bà Hoà số tiền 43.500.000 đồng như bà Hoà yêu cầu là phù hợp.

[2.2] Nguyên đơn bà Hkhông yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà bị đơn bà T đã vay nên ghi nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Htự nguyện rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 9.000.000 đồng là tiền bà Hcho rằng bà T đã vay nhưng không có giấy tờ gì. Nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên

đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 BLTTDS.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.175.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên chị T phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đối với số tiền 3.000.000đ là chi phí giám định chữ ký chữ viết, do nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định, xét thấy đây là nguyện vọng của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với Chị Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Hòa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với bà Nguyễn Thị T, về việc bà H yêu cầu bà T phải trả số tiền 9.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự:

- Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.175.000đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí giám định chữ ký chữ viết, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định.

4. Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSNDTP Việt Trì;
- Chi cục THACP.Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Quân